

Vietnam Daily Review

Thị trường giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/1/2021		•	
Tuần 18/1-22/1/2021		•	
Tháng 1/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giảm mạnh ngay trong phiên sáng và mất tới hơn 70 điểm, tới phiên chiều đã giảm đã có xu hướng chậm lại giúp cho VNIndex chỉ còn giảm 60 điểm. Dòng tiền đầu tư suy yếu với 18/19 nhóm ngành giảm điểm. Một tín hiệu tích cực là khối ngoại trở lại mua ròng trên cả 2 sàn là HSX và HNX. Tuy nhiên, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản tăng mạnh so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ còn những phiên biến động mạnh do yếu tố tâm lý và giao dịch arbitrage trong tuần đáo hạn hợp đồng phái sinh.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1195 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/1/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_EVFTA_-2.3%**

Phân tích kỹ thuật: VRC_Tăng giá(Trang 4)

Điểm nhấn

- VN-Index **-60.94** điểm, đóng cửa **1131.0**. HNX-Index **-6.48** điểm, đóng cửa **224.02**.
- Kéo chỉ số tăng: **FIT (+0.0331)**; **TCM (+0.0324)**; **GMC (+0.0159)**; **SGT (+0.012)**; **RIC (+0.0106)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-6.78)**; **VCB (-4.33)**; **VHM (-3.75)**; **BID (-3.60)**; **VNM (-3.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,974 tỷ đồng**, **+12.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 20,363 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 72.74 điểm. Thị trường có **44** mã tăng, 19 mã tham chiếu và **437** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **124.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (72.7 tỷ)**, **VHM (71.4 tỷ)** và **LPB (32.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **16.33** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1131.00**
Giá trị: 17974.13 tỷ **-60.94 (-5.11%)**
Khối ngoại (ròng): 124.05 tỷ

HNX-INDEX **224.02**
Giá trị: 771.04 tỷ **-6.48 (-2.81%)**
Khối ngoại (ròng): 16.33 tỷ

UPCOM-INDEX **76.15**
Giá trị: 1494 tỷ **-2.4 (-3.06%)**
Khối ngoại(ròng): 12,29 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	52.6	0.40%
Giá vàng	1,844	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,071	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,984	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	22,185	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	26.10%
LS TPCP 5 năm	0.9%	-6.70%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	72.7	HPG	79.5
VHM	71.4	VND	25.1
LPB	32.8	HDB	24.9
VJC	311.4	BID	19.1
DXG	27.9	AGG	14.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_-2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
EVFTA	-2.3%	1.1%	19.0%	19.0%	19.0%	19.0%	25.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-3.6%	-2.2%	14.1%	14.1%	14.1%	14.1%	27.8%
Corona Avengers	-3.7%	-2.4%	12.4%	12.4%	12.4%	12.4%	29.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	-3.8%	-1.7%	15.0%	15.0%	15.0%	15.0%	29.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-3.9%	-4.5%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	23.5%
Chiến tranh thương mại	-4.4%	-2.7%	12.5%	12.5%	12.5%	12.5%	31.1%
Vật liệu Xây dựng	-4.8%	-5.2%	-0.9%	-0.9%	-0.9%	-0.9%	27.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-4.9%	-4.9%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	30.6%
FTSE Việt Nam	-5.0%	-5.3%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	31.3%
Nước & Năng lượng	-5.0%	-4.9%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	28.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-5.1%	-5.9%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	30.2%
Hàng tiêu dùng	-5.1%	-5.2%	-2.5%	-2.5%	-2.5%	-2.5%	27.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-5.2%	-4.8%	1.6%	1.6%	1.6%	1.6%	29.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-5.4%	-5.6%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	31.2%
Xây dựng	-5.4%	-5.6%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	32.0%
Lãi suất giảm	-5.4%	-4.7%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	31.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-5.5%	-6.2%	4.7%	4.7%	4.7%	4.7%	32.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-5.7%	-6.9%	3.9%	3.9%	3.9%	3.9%	44.5%
Stay-at-home	-5.8%	-7.1%	-5.6%	-5.6%	-5.6%	-5.6%	31.6%
VN Diamond	-5.9%	-6.8%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	33.8%
Đầu tư công	-5.9%	-6.5%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	34.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-6.0%	-6.2%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	33.5%
VN FinSelect	-6.2%	-7.7%	5.4%	5.4%	5.4%	5.4%	40.0%
Ngân Hàng	-6.5%	-7.7%	2.3%	2.3%	2.3%	2.3%	38.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-6.5%	-8.2%	5.7%	5.7%	5.7%	5.7%	42.0%
Dầu khí	-7.5%	-7.8%	9.2%	9.2%	9.2%	9.2%	51.3%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	-4.8%	-4.5%	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%	28.2%
L11	-5.0%	-5.7%	2.3%	2.3%	2.3%	2.3%	30.4%
S21	-5.0%	-4.6%	3.6%	3.6%	3.6%	3.6%	30.3%
S11	-5.2%	-5.9%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	30.2%
M12	-5.3%	-5.5%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	30.1%
M31	-5.5%	-6.5%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	31.9%
S32	-5.6%	-6.2%	1.1%	1.1%	1.1%	1.1%	31.4%
M22	-5.7%	-6.2%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	31.2%
L32	-6.2%	-6.0%	1.5%	1.5%	1.5%	1.5%	33.7%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-3.4%	-1.7%	16.0%	16.0%	16.0%	16.0%	26.8%
MID1	-4.9%	-5.7%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	28.3%
HIGH3	-6.1%	-6.4%	3.3%	3.3%	3.3%	3.3%	34.9%

INDEX							
VNINDEX	-5.1%	-5.3%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	28.5%
VN30INDEX	-5.6%	-6.3%	3.4%	3.4%	3.4%	3.4%	32.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	10	16	13	13	15	11
Mục tiêu	9	3	6	2	7	2	7
Rủi ro	3	2	1	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 19/1

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.58	0.42%	0.63%	10.05%	-3.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	55.37	1.13%	-2.14%	8.44%	-0.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	153.11	0.18%	0.68%	15.08%	0.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1843.72	0.13%	-0.60%	-2.21%	17.12%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.24	-0.45%	-1.25%	-3.16%	41.48%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1403.75	-0.92%	2.28%	18.09%	47.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	686.00	1.55%	8.07%	14.38%	16.22%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.23	1.69%	-2.39%	10.33%	12.79%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	227.79	-3.27%	-0.26%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.54	0.55%	5.55%	16.40%	11.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	128.15	0.63%	3.60%	1.59%	2.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7971.50	0.28%	1.37%	2.84%	27.36%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	667.40	-0.91%	0.23%	4.74%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	682.81	-1.33%	-0.44%	0.68%			
Nhôm	USD/ton	1972.00	-0.95%	-1.87%	-3.66%	8.83%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	162.88	-0.33%	1.87%	5.31%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	86.50	-0.63%	-3.30%	5.04%	21.83%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu giảm nhẹ trong phiên giao dịch vừa qua do USD mạnh lên giữa bối cảnh số ca nhiễm Covid-19 tăng vọt trên toàn cầu mà tốc độ tiêm vắc-xin ngừa dịch bệnh này lại diễn ra chậm chạp.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay tăng 0,5% lên 1.835,96 USD/ounce, sau khi có thời điểm lao dốc xuống mức thấp nhất kể từ ngày 2/12/2020 là 1.809,9 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 2/2021 tăng 0,4% lên 1.836,50 USD/ounce.

• Giá vàng tăng trở lại - từ mức thấp nhất 1,5 tháng trước đó - nhờ kỳ vọng vào gói kích thích kinh tế bổ sung khổng lồ của Mỹ.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên và Singapore phiên 18/1 đều đạt mức cao nhất trong vòng 4 tuần sau số liệu cho thấy tăng trưởng GDP của Trung Quốc quý IV/2020 vượt dự báo, khiến các nhà đầu tư chuyển hướng tập trung vào triển vọng nhu cầu các nguyên liệu sản xuất thép.

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên phiên này tăng 2,5% lên 1.084,5 CNY (167,29 USD)/tấn, cao nhất kể từ 22/12. Trên sàn Singapore, quặng sắt cũng tăng giá thêm 1,3% lên 171,36 USD/tấn.

• Kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng 6,5% trong quý IV/2020 so với cùng kỳ năm trước đó, và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm nay, làm phần chấn tâm lý của nhà đầu tư, bất chấp việc nước này đã mở rộng những hạn chế chống sự lây lan của dịch Covid-19.

Giá cao su

• Giá cao su trên thị trường Nhật Bản tăng sau khi kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy các cơ sở sản xuất của nước này đang khôi phục hoạt động, có thể kéo theo đầu tư tăng, thúc đẩy kinh tế phát triển.

• Cao su kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Osaka tăng 1,1 JPY (0,5%) lên 244,2 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 cũng tăng 1,8% lên 14.770 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 giảm 10 USD (0,7%) xuống 1.343 USD/tấn do dự đoán lượng bán ra từ Việt Nam – nước sản xuất robusta hàng đầu thế giới – sẽ tăng trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

• Giá đường trắng kỳ hạn tương lai trên sàn London tăng lên mức cao nhất 3 năm rưỡi trong phiên vừa qua do hoạt động mua mạnh giữa bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt. Theo đó, đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 5,8 USD (1,3%) lên 467,5 USD/tấn vào lúc đóng cửa, sau khi có thời điểm đạt 468,7 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 5/2017.

	19/1	% 19/1	18/1	% 18/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1131.00	-5.11%	1191.94	-0.19%	-5.14%	7.53%
S&P 500			3768.25	-0.72%	-1.48%	3.31%
HĐTL S&P500	3785.25	0.61%	3762.25	-0.76%	-0.18%	2.66%
Shang- hai	3566.38	-0.83%	3596.22	0.84%	-1.16%	4.74%
Euro Stoxx	3615.44	0.35%	3602.67	0.09%	0.09%	2.04%

Phân tích kỹ thuật

VRC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VRC vẫn đang ở trong trạng thái tăng giá trung hạn từ cuối tháng 11 cho đến nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Mặc dù chỉ báo động lượng RSI đang ở trong vùng quá mua nhưng đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có thể duy trì được đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VRC nằm tại khu vực xung quanh 10.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 13.4, cắt lỗ nếu ngưỡng 8.9 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

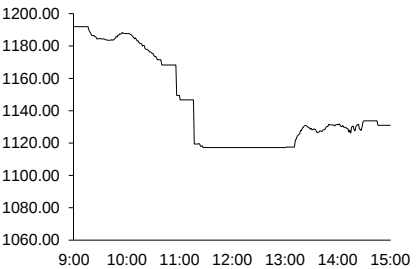
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-6.17%
Công nghệ Thông tin	-6.01%
Ngân hàng	-6.00%
Tài nguyên Cơ bản	-5.91%
Bảo hiểm	-5.74%
Ô tô và phụ tùng	-5.59%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.42%
Dịch vụ tài chính	-5.42%
Hóa chất	-4.87%
Bán lẻ	-4.79%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.54%
Thực phẩm và đồ uống	-4.45%
Bất động sản	-4.26%
Du lịch và Giải trí	-4.15%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.61%
Xây dựng và Vật liệu	-3.43%
Y tế	-3.04%
Viễn thông	-0.37%
Truyền thông	0.41%

Hình 1

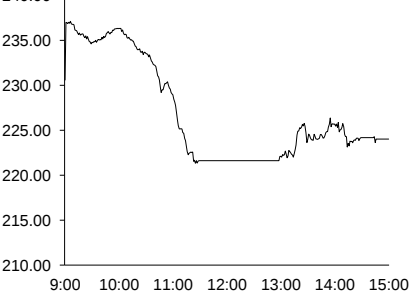
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

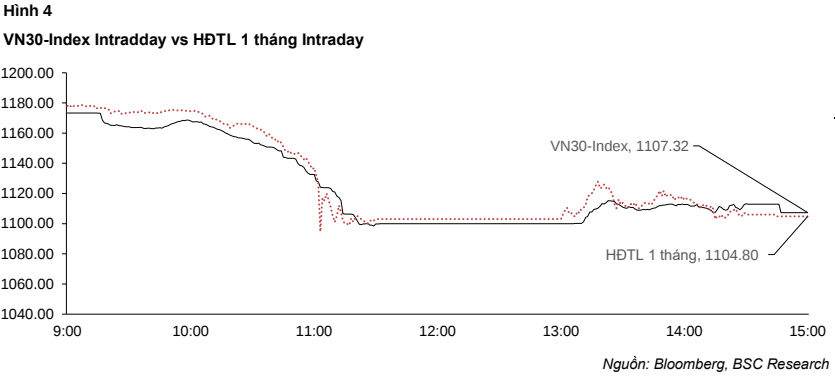
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	79	1	-5.84%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	60.5	4	-2.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	33.9	5	-5.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	28.6	6	-8.04%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	23.65	8	-4.64%	Có thể tiếp tục mua
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	61	11	-0.65%	Có thể tiếp tục mua
1/4/2021	PWA	12.9	16.5	12	14.2	15	10.08%	Có thể tiếp tục mua
12/31/2020	ANV	24.9	29	22	23.4	19	-6.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/23/2020	DPG	31.6	36	29	30.45	27	-3.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/22/2020	CTI	15.05	18	13.5	15.9	28	5.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/18/2020	MBB	23.1	29	21.5	24.4	32	5.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/17/2020	VPG	16.7	20	15.5	17.55	33	5.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.5	43	3.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	108.2	119.39	97.6	107.7	112	-0.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/7/2021	HAG	5.64	6.3	5	TP	4	11.70%
1/6/2021	MPC	30.6	36	28.4	SL	13	-7.19%
1/5/2021	LSS	8.61	10.2	7.5	TP	7	18.47%
12/30/2020	NHH	54	60	51.5	TP	7	11.11%
12/29/2020	HII	16.1	18	15	TP	2	11.80%
12/28/2020	DRH	9.52	11.2	8	TP	7	17.65%
12/25/2020	OGC	7.58	8.4	6.9	TP	4	10.82%
12/24/2020	TCH	19.46	21.46	18.54	TP	15	10.28%
12/21/2020	PVB	17.5	21.5	16.5	SL	1	-5.71%
12/16/2020	PLP	8.52	12	7.5	TP	34	40.85%
12/15/2020	LTG	25.8	28.5	24.5	TP	20	10.47%
12/14/2020	KSB	30.45	35	26	TP	22	14.94%
12/11/2020	DBC	46.15	55	42	TP	18	19.18%
12/10/2020	NVL	63.8	75	60	TP	29	17.55%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	9	5.94%	-4.15%	-0.55%	25
Cổ phiếu đã chốt	104	39	13.04%	-7.34%	7.48%	30

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2101	1104.80	-6.13%	-2.52	140.9%	220,843	1/21/2021	4
VN30F2102	1125.00	-5.46%	17.68	406.9%	21,854	2/18/2021	32
VN30F2103	1123.70	-5.79%	16.38	73.8%	226	3/18/2021	60
VN30F2106	1132.00	-4.95%	24.68	298.0%	394	6/17/2021	151

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 66.02 điểm xuống mức 1107.32 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, VPB, VNM và VIC tác động mạnh đến vận động giảm của VN30. VN30 giảm mạnh trong phiên sáng và giữ ở mức thấp đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ hướng về quanh ngưỡng 1100 trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Tất cả các hợp đồng đều tăng về khối lượng giao dịch. Xét về vị thế mở, VN30F2102 và VN30F2103 tăng, trong khi VN30F2101 và VN30F2106 giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1195 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2010	4/5/2021	76	4:1	332,300	32.26%	1,800	5,600	-7.44%	2,237	2.50	32,969	27,079	41,600
CHPG2018	5/14/2021	115	4:1	595,700	32.26%	1,200	4,500	-8.16%	3,030	1.49	34,799	29,999	41,600
CVHM2006	4/27/2021	98	20:1	1,287,400	29.19%	1,000	1,900	-9.95%	711	2.67	104,888	84,888	96,800
CTCB2009	3/30/2021	70	1:1	138,300	34.05%	4,400	12,800	-12.87%	12,101	1.06	26,400	22,000	33,900
CSTB2014	6/14/2021	146	1:1	248,400	37.32%	3,800	7,800	-13.14%	7,451	1.05	15,800	12,000	19,200
CFPT2016	6/22/2021	154	5:1	504,200	24.36%	2,580	3,500	-13.58%	2,651	1.32	62,900	50,000	62,000
CSTB2012	4/1/2021	72	1:1	618,900	37.32%	2,500	7,000	-14.95%	6,328	1.11	15,500	13,000	19,200
CSTB2013	3/12/2021	52	1:1	466,200	37.32%	3,200	7,500	-15.54%	7,281	1.03	15,200	12,000	19,200
CTCB2013	5/4/2021	105	1:1	218,200	34.05%	4,700	11,830	-16.10%	11,237	1.05	27,700	23,000	33,900
CMBB2010	6/14/2021	146	1:1	276,900	28.65%	4,600	9,210	-16.27%	8,710	1.06	20,600	16,000	24,400
CVRE2007	4/5/2021	76	5:1	1,120,400	32.52%	1,520	1,800	-16.28%	979	1.84	40,933	33,333	37,300
CVRE2014	5/4/2021	105	1:1	192,300	32.52%	4,600	8,900	-16.43%	10,247	0.87	32,100	27,500	37,300
CMBB2009	4/1/2021	72	2:1	329,700	28.65%	1,700	4,970	-17.03%	2,799	1.78	22,400	19,000	24,400
CVPB2011	4/1/2021	72	2:1	527,200	36.40%	1,900	5,600	-17.77%	5,148	1.09	27,800	24,000	33,900
CVNM2010	2/8/2021	20	10:1	886,400	24.80%	2,680	2,650	-18.71%	164	16.19	112,223	90,238	107,700
CVNM2011	6/11/2021	143	20:1	1,418,000	24.80%	1,100	1,940	-19.17%	46	42.18	127,429	109,378	107,700
CSTB2011	3/30/2021	70	1:1	430,200	37.32%	2,700	5,600	-19.42%	4,873	1.15	17,200	14,500	19,200
CTCH2002	2/18/2021	30	4:1	1,173,400	39.74%	1,100	1,520	-23.23%	717	2.12	26,177	21,777	24,350
CVIC2005	6/11/2021	143	10:1	960,600	26.61%	1,500	2,470	-23.77%	585	4.23	121,868	106,868	102,700
Tổng				11,724,700	32.11%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/1/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CHPG2101 và CSTB2101 tăng mạnh nhất lần lượt là 37.4% và 35.7%, ở chiều hướng ngược lại, CVNM2007 và CFPT2014 giảm mạnh nhất lần lượt là 38% và 30.2%. Thanh khoản thị trường giảm 12.24%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.32% thị trường.
- Có 6/116 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CMSN2010 và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMSN2012 và CHPG2025 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	120.0	-5.1%	1.2	2,361	8.8	8,517	14.1	3.6	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	79.0	-5.8%	1.2	781	3.0	4,592	17.2	3.6	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	65.0	-5.2%	1.5	2,098	5.2	1,731	37.5	2.4	28.3%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	32.7	-9.9%	0.4	318	0.4	2,729	12.0	1.1	54.3%	9.1%
VIC	Bất động sản	102.7	-6.9%	0.8	15,103	6.3	2,660	38.6	4.0	14.0%	11.0%
VRE	Bất động sản	37.3	-0.1%	1.1	3,685	11.4	1,001	37.3	3.0	31.3%	8.1%
VHM	Bất động sản	96.8	-4.2%	1.2	13,845	14.9	6,895	14.0	4.3	22.1%	35.4%
DXG	Bất động sản	17.3	-4.7%	1.4	390	6.4	(151)		1.4	34.6%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	33.8	-6.9%	1.4	880	29.8	1,834	18.4	2.2	45.3%	11.5%
VCI	Chứng khoán	60.5	-5.5%	1.0	436	5.4	3,770	16.0	2.5	27.3%	15.9%
HCM	Chứng khoán	31.0	-6.9%	1.6	411	10.7	1,705	18.2	2.1	47.9%	11.8%
FPT	Công nghệ	62.0	-6.5%	0.8	2,113	9.7	4,236	14.6	3.2	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	58.0	-5.7%	0.4	690	0.1	4,812	12.1	3.1	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	85.0	-6.2%	1.4	7,073	4.4	4,752	17.9	3.5	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	53.0	-5.5%	1.5	2,809	1.9	681	77.8	3.2	15.7%	4.3%
PVS	Dầu khí	18.9	-9.6%	1.6	393	14.6	1,621	11.7	0.7	10.6%	6.3%
BSR	Dầu khí	11.3	-8.1%	0.8	1,523	8.2	898	12.6	1.0	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.0	-3.0%	0.4	586	0.1	5,405	19.1	4.0	54.7%	21.7%
DPM	Hóa chất	18.7	-7.0%	0.5	318	2.8	2,011	9.3	0.9	12.7%	10.4%
DCM	Hóa chất	14.3	-5.6%	0.5	328	2.5	858	16.6	1.2	3.0%	7.4%
VCB	Ngân hàng	99.0	-4.2%	1.1	15,964	4.9	4,630	21.4	3.9	23.7%	19.7%
BID	Ngân hàng	45.3	-7.0%	1.3	7,913	5.5	2,126	21.3	2.3	17.4%	12.5%
CTG	Ngân hàng	35.9	-7.0%	1.2	5,812	23.3	2,948	12.2	1.6	28.8%	14.0%
VPB	Ngân hàng	33.9	-7.0%	1.2	3,618	11.2	4,111	8.2	1.7	23.4%	22.2%
MBB	Ngân hàng	24.4	-6.9%	1.1	2,969	24.2	2,968	8.2	1.5	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	27.9	-6.8%	0.9	2,622	16.2	3,109	9.0	1.8	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	59.8	-5.4%	0.8	213	1.4	6,186	9.7	2.1	81.6%	20.7%
NTP	Nhựa	36.0	-3.7%	0.4	184	0.2	3,820	9.4	1.6	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	22.1	-9.8%	0.5	1,056	3.2	356	62.1	1.8	10.4%	2.9%
HPG	Thép	41.6	-6.7%	1.2	5,993	47.9	3,241	12.8	2.5	32.1%	21.3%
HSG	Thép	24.4	-4.3%	1.5	471	11.9	2,507	9.7	1.6	11.4%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	107.7	-4.9%	0.7	9,785	17.6	4,784	22.5	7.7	57.8%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	193.0	-3.7%	0.8	5,381	1.1	6,312	30.6	6.2	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	90.9	-4.4%	0.9	4,643	9.6	2,067	44.0	5.2	33.6%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	24.0	-4.0%	1.0	644	5.8	702	34.2	2.0	2.6%	5.5%
ACV	Vận tải	78.0	-2.5%	0.8	7,383	1.8	3,450	22.6	4.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	127.9	-3.1%	1.1	2,913	4.0	(1,528)		4.8	18.7%	-5.6%
HVN	Vận tải	28.6	-6.7%	1.7	1,764	2.2	(7,345)		6.0	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	32.5	-6.9%	0.9	426	8.6	1,179	27.6	1.7	38.4%	5.8%
PVT	Vận tải	16.6	-3.5%	1.3	234	7.0	1,709	9.7	1.1	14.2%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.0	-4.4%	1.0	580	1.9	8,260	10.4	3.6	3.4%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	26.9	-1.5%	0.7	524	0.4	1,411	19.1	1.9	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.5	-6.4%	0.9	290	1.6	1,762	9.9	1.2	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	78.3	-6.8%	1.1	260	6.3	7,505	10.4	0.7	45.9%	6.9%
CII	Xây dựng	23.0	-2.3%	0.4	239	3.1	114	201.5	1.1	29.3%	0.5%
REE	Điện	52.8	-2.0%	-1.4	709	1.8	4,599	11.5	1.5	49.0%	13.7%
PC1	Điện	21.7	-6.9%	-0.4	180	0.8	2,241	9.7	1.1	13.4%	11.8%
POW	Điện	13.9	-6.1%	0.6	1,410	10.7	679	20.4	1.2	8.5%	5.8%
NT2	Điện	23.6	-5.8%	0.5	295	1.0	2,103	11.2	1.7	18.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	36.8	0.0%	1.0	752	18.6	879	41.9	1.8	19.1%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	51.9	-3%	1.1	2,336	0.4			3.6	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FIT	21.75	2.11	0.03	9.67MLN
TCM	69.70	2.65	0.03	335600
GMC	27.40	6.82	0.01	195900
SGT	11.50	5.02	0.01	230400
DCL	33.00	1.85	0.01	437700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	-0.01	-6.92	1.37MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-4.29	1.13MLN	607060
VHM	0.00	-3.78	3.55MLN	373600
BID	-0.01	-3.68	2.70MLN	192700
VNM	0.00	-3.15	3.67MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KPF	12.70	13.58	0.01	49200.00
RIC	7.66	6.98	0.00	67900
VNL	20.00	6.95	0.00	93600
HU1	9.45	6.90	0.00	34400
TCR	4.22	6.84	0.00	49800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGL	5.98	-7.00	-0.01	124200
VPB	33.90	-7.00	-1.69	7.42MLN
CTG	35.90	-6.99	-2.70	14.47MLN
SGR	21.95	-6.99	-0.03	69900
SJF	3.06	-6.99	-0.01	3.89MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	85.90	4.76	0.06	400.00
API	19.50	9.55	0.04	568100.00
VIG	4.60	9.52	0.02	8.68MLN
SJ1	17.40	9.43	0.02	4200.00
ART	5.90	1.72	0.02	18.86MLN

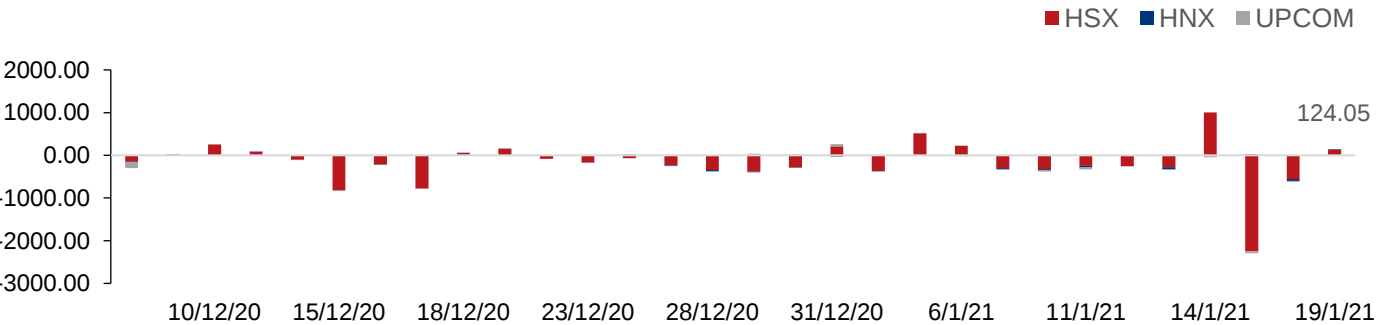
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.90	-9.14	-4.03	53.11MLN
NVB	13.10	-9.66	-0.92	4.91MLN
PVS	18.90	-9.57	-0.81	17.01MLN
IDC	42.50	-9.96	-0.48	11.32MLN
CEO	10.80	-10.00	-0.31	8.02MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BKC	6.60	10.0	0.01	3700
DVG	20.90	10.0	0.01	100
HTP	11.00	10.0	0.00	41500
PVL	2.20	10.0	0.01	1.15MLN
VE3	8.80	10.0	0.00	23700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	22.50	-10.00	-0.01	100
ARM	40.50	-10.00	-0.01	300
CEO	10.80	-10.00	-0.31	8.02MLN
LUT	7.20	-10.00	-0.01	62900
IDC	42.50	-9.96	-0.48	11.32MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.4	1,412	10.2	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	27.9	3,109	9.0	1.8	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	78.0	3,450	22.6	4.6	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.7	4,752	6.0	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	35.9	2,948	12.2	1.6	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.5	13,673	4.2	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	50.8	5,316	9.6	1.9	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	73.6	5,241	14.0	3.0	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.0	5,405	19.1	4.0	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	18.7	2,011	9.3	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	23.7	1,918	12.3	1.7	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	17.3	-151		1.4	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	62.0	4,236	14.6	3.2	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	32.5	1,179	27.6	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.8	6,418	6.5	2.2	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	41.6	3,241	12.8	2.5	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	24.4	2,507	9.7	1.6	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	36.8	879	41.9	1.8	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	31.9	2,067	15.4	2.3	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	31.9	2,067	15.4	2.3	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	13.8			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	29.6	2,528	11.7	1.2	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	90.9	2,067	44.0	5.2	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	120.0	8,517	14.1	3.6	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	31.9	2,627	12.1	1.7	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	265.8	9,855	27.0	11.0	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	67.5	3,674	18.4	2.9	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.7	1,928	14.4	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	79.0	4,592	17.2	3.6	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	21.6	0	37.0	0.7	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	16.6	1,709	9.7	1.1	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	39.4	4,313	9.1	1.8	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	193.0	6,312	30.6	6.2	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	24.0	702	34.2	2.0	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	37.7	1,861	20.3	3.0	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	33.9	3,258	10.4	1.7	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	99.0	4,630	21.4	3.9	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.4	5,479	8.5	2.3	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	16.6	885	18.8	1.3	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.0	4,092	10.3	1.4	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	107.7	4,784	22.5	7.7	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	33.9	4,111	8.2	1.7	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	37.3	1,001	37.3	3.0	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.8	4,105	26.3	9.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639